

Số: 671/QĐ-GDDT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2017-2018

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2017-2018;

Căn cứ tình hình cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp và yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tại tờ trình số 36/TTr-KHTC ngày 03 tháng 4 năm 2017,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2017-2018 cho các trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường có tên nơi điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận :

- Như điều 2;
- Giám đốc Sở “để báo cáo”;
- Lưu (VP, KHTC) 



Lê Hồng Sơn



# CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2017-2018

## HỆ CÔNG LẬP

(Kèm theo Quyết định số 671/QĐ-GDĐT-KHTC ngày 03/4/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Tên đơn vị                           | Chỉ tiêu được giao |            |            |              |          |            |            |              | Môn chuyên                                                                                           | Ghi chú                       |
|-----|--------------------------------------|--------------------|------------|------------|--------------|----------|------------|------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|     |                                      | Lớp                |            |            |              | Học sinh |            |            |              |                                                                                                      |                               |
|     |                                      | Tổng số            | Trong đó:  |            |              | Tổng số  | Trong đó:  |            |              |                                                                                                      |                               |
|     |                                      |                    | Lớp thường | Lớp chuyên | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên | Lớp tích hợp |                                                                                                      |                               |
| 1   | THPT Ten Lơ Man                      | 13                 | 13         |            |              | 585      | 585        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 2   | THPT Trưng Vương                     | 15                 | 13         |            | 2            | 655      | 585        |            | 70           |                                                                                                      |                               |
| 3   | THPT Bùi Thị Xuân                    | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 4   | THPT Năng Khiếu TDTT                 | 6                  | 6          |            |              | 270      | 270        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 5   | THPT Lương Thế Vinh                  | 8                  | 8          |            |              | 360      | 360        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 6   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa           | 13                 | 2          | 9          | 2            | 475      | 90         | 315        | 70           | Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Sinh (35), Anh (140)                                         |                               |
| 7   | THPT Lê Quý Đôn                      | 15                 | 15         |            |              | 450      | 450        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 8   | THPT Nguyễn Thị Minh Khai            | 15                 | 15         |            |              | 645      | 645        |            |              |                                                                                                      | Có 2 lớp Fiel với 60 học sinh |
| 9   | THPT Lê Thị Hồng Gấm                 | 8                  | 8          |            |              | 360      | 360        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 10  | THPT Nguyễn Thị Diệu                 | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 11  | THPT Marie Curie                     | 22                 | 22         |            |              | 990      | 990        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 12  | THPT Nguyễn Trãi                     | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 13  | THPT Nguyễn Hữu Thọ                  | 13                 | 13         |            |              | 585      | 585        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 14  | THPT Trần Khai Nguyên                | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 15  | Phổ thông Năng Khiếu                 | 17                 | 3          | 14         |              | 600      | 110        | 490        |              | Văn (70), Toán (70), Lý (70), Hóa (70), Sinh (70), Anh (70), Tin (70)                                |                               |
| 16  | Trung học Thực hành ĐHSP             | 8                  | 5          | 3          |              | 280      | 190        | 90         |              | Văn (30), Toán (30), Anh (30)                                                                        |                               |
| 17  | THPT Hùng Vương                      | 25                 | 25         |            |              | 1.125    | 1.125      |            |              |                                                                                                      |                               |
| 18  | THPT chuyên Lê Hồng Phong            | 20                 | 4          | 15         | 1            | 740      | 180        | 525        | 35           | Văn (70), Toán (105), Lý (70), Hóa (70), Sinh (35), Anh (105), Tin (35), T.Trung (15), T. Nhật (20). |                               |
| 19  | Trung học thực hành Sài Gòn          | 4                  | 4          |            |              | 180      | 180        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 20  | THPT Trần Hữu Trang                  | 8                  | 8          |            |              | 360      | 360        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 21  | THPT Mạc Đĩnh Chi                    | 24                 | 18         | 6          |              | 1.020    | 810        | 210        |              | Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Sinh (35), Anh (35)                                          |                               |
| 22  | THPT Nguyễn Tất Thành                | 18                 | 18         |            |              | 810      | 810        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 23  | THPT Bình Phú                        | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 24  | THPT Phạm Phú Thứ                    | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 25  | THPT Võ Văn Kiệt                     | 12                 | 12         |            |              | 540      | 540        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 26  | THPT Tạ Quang Bửu                    | 13                 | 13         |            |              | 585      | 585        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 27  | THPT Ngô Gia Tự                      | 13                 | 13         |            |              | 585      | 585        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 28  | THPT Lương Văn Can                   | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 29  | THPT Nguyễn Văn Linh                 | 11                 | 11         |            |              | 495      | 495        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 30  | THPT Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định | 12                 | 9          | 3          |              | 510      | 405        | 105        |              | NK TDTT                                                                                              |                               |
| 31  | THPT Nguyễn Du                       | 16                 | 16         |            |              | 480      | 480        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 32  | THPT Nguyễn Khuyến                   | 18                 | 18         |            |              | 810      | 810        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 33  | THPT Nguyễn An Ninh                  | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 34  | THCS-THPT Sương Nguyệt Anh           | 5                  | 5          |            |              | 225      | 225        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 35  | THCS-THPT Diên Hồng                  | 8                  | 8          |            |              | 360      | 360        |            |              |                                                                                                      |                               |
| 36  | THPT Nguyễn Hiền                     | 14                 | 14         |            |              | 420      | 420        |            |              |                                                                                                      |                               |

| STT | Tên đơn vị                            | Chỉ tiêu được giao |            |            |              |          |            |            | Môn chuyên                                       | Ghi chú                                                    |
|-----|---------------------------------------|--------------------|------------|------------|--------------|----------|------------|------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
|     |                                       | Lớp                |            |            |              | Học sinh |            |            |                                                  |                                                            |
|     |                                       | Tổng số            | Trong đó:  |            |              | Tổng số  | Trong đó:  |            |                                                  |                                                            |
|     |                                       |                    | Lớp thường | Lớp chuyên | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên |                                                  |                                                            |
| 37  | THPT Trần Quang Khải                  | 19                 | 19         |            |              | 855      | 855        |            |                                                  |                                                            |
| 38  | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa                | 17                 | 17         |            |              | 765      | 765        |            |                                                  |                                                            |
| 39  | THPT Nguyễn Trung Trực                | 21                 | 21         |            |              | 945      | 945        |            |                                                  |                                                            |
| 40  | THPT Nguyễn Công Trứ                  | 18                 | 18         |            |              | 810      | 810        |            |                                                  |                                                            |
| 41  | THPT Trần Hưng Đạo                    | 19                 | 19         |            |              | 855      | 855        |            |                                                  |                                                            |
| 42  | THPT Gò Vấp                           | 13                 | 13         |            |              | 585      | 585        |            |                                                  |                                                            |
| 43  | THPT Nguyễn Thái Bình                 | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 44  | THPT Nguyễn Thượng Hiền               | 16                 | 11         | 5          |              | 670      | 495        | 175        | Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Anh (35) |                                                            |
| 45  | THPT Nguyễn Chí Thanh                 | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 46  | THPT Tân Bình                         | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |                                                  |                                                            |
| 47  | THPT Trần Phú                         | 20                 | 20         |            |              | 900      | 900        |            |                                                  |                                                            |
| 48  | THPT Tây Thạnh                        | 20                 | 20         |            |              | 900      | 900        |            |                                                  |                                                            |
| 49  | THPT Lê Trọng Tấn                     | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 50  | THPT Phan Đăng Lưu                    | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 51  | THPT Gia Định                         | 24                 | 16         | 6          | 2            | 1.000    | 720        | 210        | 70                                               | Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Anh (35), Tin (35) |
| 52  | THPT Võ Thị Sáu                       | 19                 | 19         |            |              | 855      | 855        |            |                                                  |                                                            |
| 53  | THPT Hoàng Hoa Thám                   | 19                 | 19         |            |              | 855      | 855        |            |                                                  |                                                            |
| 54  | THPT Trần Văn Giàu                    | 16                 | 16         |            |              | 720      | 720        |            |                                                  |                                                            |
| 55  | THPT Thanh Đa                         | 12                 | 12         |            |              | 540      | 540        |            |                                                  |                                                            |
| 56  | THPT Quốc tế Việt Úc (SIC)            | 3                  | 3          |            |              | 60       | 60         |            |                                                  |                                                            |
| 57  | THPT Hàn Thuyên                       | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 58  | THPT Phú Nhuận                        | 18                 | 18         |            |              | 810      | 810        |            |                                                  |                                                            |
| 59  | THPT Giồng Ông Tố                     | 10                 | 10         |            |              | 450      | 450        |            |                                                  |                                                            |
| 60  | THPT Thủ Thiêm                        | 12                 | 12         |            |              | 540      | 540        |            |                                                  |                                                            |
| 61  | THPT Lê Thánh Tôn                     | 12                 | 12         |            |              | 540      | 540        |            |                                                  |                                                            |
| 62  | THPT Tân Phong                        | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |                                                  |                                                            |
| 63  | THPT Ngô Quyền                        | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 64  | THPT Nam Sài Gòn                      | 2                  | 2          |            |              | 70       | 70         |            |                                                  |                                                            |
| 65  | THPT Long Trường                      | 10                 | 10         |            |              | 450      | 450        |            |                                                  |                                                            |
| 66  | THPT Nguyễn Văn Tăng                  | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 67  | THPT Nguyễn Huệ                       | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 68  | THPT Phước Long                       | 10                 | 10         |            |              | 450      | 450        |            |                                                  |                                                            |
| 69  | THPT Thạnh Lộc                        | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |                                                  |                                                            |
| 70  | THPT Võ Trường Toản                   | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |                                                  |                                                            |
| 71  | THPT Trường Chinh                     | 18                 | 18         |            |              | 810      | 810        |            |                                                  |                                                            |
| 72  | THPT Đào Sơn Tây                      | 16                 | 16         |            |              | 720      | 720        |            |                                                  |                                                            |
| 73  | THPT Hiệp Bình                        | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |                                                  |                                                            |
| 74  | THPT Tam Phú                          | 11                 | 11         |            |              | 495      | 495        |            |                                                  |                                                            |
| 75  | THPT Nguyễn Hữu Huân                  | 18                 | 13         | 5          |              | 760      | 585        | 175        | Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Anh (35) |                                                            |
| 76  | THPT Thủ Đức                          | 16                 | 16         |            |              | 720      | 720        |            |                                                  |                                                            |
| 77  | Phổ thông Năng khiếu Thể thao Olympic | 4                  |            | 4          |              | 120      |            | 120        | NK TDTT                                          |                                                            |
| 78  | THPT An Lạc                           | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 79  | THPT Bình Tân                         | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |                                                  |                                                            |
| 80  | THPT Bình Hưng Hòa                    | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |                                                  |                                                            |
| 81  | THPT Nguyễn Hữu Cánh                  | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |                                                  |                                                            |
| 82  | THPT Vĩnh Lộc                         | 10                 | 10         |            |              | 450      | 450        |            |                                                  |                                                            |
| 83  | THPT Tân Thông Hội                    | 11                 | 11         |            |              | 495      | 495        |            |                                                  |                                                            |
| 84  | THPT Phú Hòa                          | 11                 | 11         |            |              | 495      | 495        |            |                                                  |                                                            |
| 85  | THPT Trung Lập                        | 9                  | 9          |            |              | 405      | 405        |            |                                                  |                                                            |

| STT | Tên đơn vị           | Chỉ tiêu được giao |            |            |              |          |            |            |              | Môn chuyên                             | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------|------------|------------|--------------|----------|------------|------------|--------------|----------------------------------------|---------|
|     |                      | Lớp                |            |            |              | Học sinh |            |            |              |                                        |         |
|     |                      | Tổng số            | Trong đó:  |            |              | Tổng số  | Trong đó:  |            |              |                                        |         |
|     |                      |                    | Lớp thường | Lớp chuyên | Lớp tích hợp |          | Lớp thường | Lớp chuyên | Lớp tích hợp |                                        |         |
| 86  | THPT Trung Phú       | 16                 | 12         | 4          |              | 680      | 540        | 140        |              | Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Anh (35) |         |
| 87  | THPT An Nhơn Tây     | 9                  | 9          |            |              | 405      | 405        |            |              |                                        |         |
| 88  | THPT Quang Trung     | 9                  | 9          |            |              | 405      | 405        |            |              |                                        |         |
| 89  | THPT Củ Chi          | 16                 | 14         | 2          |              | 700      | 630        | 70         |              | Hóa (35), Anh (35)                     |         |
| 90  | THPT Lý Thường Kiệt  | 13                 | 13         |            |              | 585      | 585        |            |              |                                        |         |
| 91  | THPT Nguyễn Hữu Cầu  | 14                 | 10         | 4          |              | 590      | 450        | 140        |              | Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Anh (35) |         |
| 92  | THPT Nguyễn Hữu Tiến | 10                 | 10         |            |              | 450      | 450        |            |              |                                        |         |
| 93  | THPT Nguyễn Văn Cừ   | 13                 | 13         |            |              | 585      | 585        |            |              |                                        |         |
| 94  | THPT Bà Điểm         | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |              |                                        |         |
| 95  | THPT Phạm Văn Sáng   | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |              |                                        |         |
| 96  | THPT Đa Phước        | 11                 | 11         |            |              | 495      | 495        |            |              |                                        |         |
| 97  | THPT Lê Minh Xuân    | 16                 | 16         |            |              | 720      | 720        |            |              |                                        |         |
| 98  | THPT Vĩnh Lộc B      | 15                 | 15         |            |              | 675      | 675        |            |              |                                        |         |
| 99  | THPT Tân Túc         | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |              |                                        |         |
| 100 | THPT Bình Chánh      | 14                 | 14         |            |              | 630      | 630        |            |              |                                        |         |
| 101 | NK TDTT Bình Chánh   | 13                 | 10         | 3          |              | 540      | 450        | 90         |              | NK TDTT                                |         |
| 102 | THPT Phước Kiển      | 11                 | 11         |            |              | 495      | 495        |            |              |                                        |         |
| 103 | THPT Dương Văn Dương | 8                  | 8          |            |              | 360      | 360        |            |              |                                        |         |
| 104 | THPT Long Thới       | 8                  | 8          |            |              | 360      | 360        |            |              |                                        |         |
| 105 | THPT Cần Thạnh       | 6                  | 6          |            |              | 270      | 270        |            |              |                                        |         |
| 106 | THPT Bình Khánh      | 6                  | 6          |            |              | 270      | 270        |            |              |                                        |         |
| 107 | THPT An Nghĩa        | 7                  | 7          |            |              | 315      | 315        |            |              |                                        |         |



# CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2017-2018

## HỆ: DÂN LẬP - TƯ THỰC

(Kèm theo Quyết định số 671/QĐ-GDDT-KHTC ngày 03/4/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Tên đơn vị                         | Chỉ tiêu được giao |                    | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|--------------------|--------------------|---------|
|     |                                    | Số lớp 10          | Số học sinh lớp 10 |         |
| 1   | THCS - THPT Đăng Khoa              | 6                  | 200                |         |
| 2   | TH - THCS - THPT Quốc tế Á Châu    | 40                 | 800                |         |
| 3   | TH - THCS - THPT Úc Châu           | 1                  | 30                 |         |
| 4   | THCS - THPT Nguyễn Bình Khiêm      | 3                  | 90                 |         |
| 5   | TH - THCS - THPT Tây Úc            | 4                  | 88                 |         |
| 6   | THPT Thăng Long                    | 14                 | 450                |         |
| 7   | THPT Văn Lang                      | 3                  | 75                 |         |
| 8   | THCS - THPT Quang Trung Nguyễn Huệ | 10                 | 250                |         |
| 9   | THCS - THPT An Đông                | 8                  | 320                |         |
| 10  | THPT Quốc Trí                      | 5                  | 200                |         |
| 11  | THPT Phú Lâm                       | 6                  | 180                |         |
| 12  | THCS - THPT Đào Duy Anh            | 6                  | 180                |         |
| 13  | THCS - THPT Duy Tân                | 6                  | 150                |         |
| 14  | TH - THCS - THPT Việt Úc           | 18                 | 360                |         |
| 15  | TH - THCS - THPT Vạn Hạnh          | 10                 | 350                |         |
| 16  | THPT Việt Mỹ Anh                   | 3                  | 60                 |         |
| 17  | THPT Trần Nhân Tông                | 4                  | 120                |         |
| 18  | THPT Trần Quốc Tuấn                | 5                  | 150                |         |
| 19  | TH - THCS - THPT Trương Vĩnh Ký    | 25                 | 875                |         |
| 20  | THPT Việt Nhật                     | 6                  | 180                |         |
| 21  | THPT Đông Dương                    | 6                  | 180                |         |
| 22  | THPT Lý Thái Tổ                    | 10                 | 300                |         |
| 23  | THPT Đào Duy Từ                    | 3                  | 90                 |         |
| 24  | THPT Phùng Hưng                    | 6                  | 150                |         |
| 25  | THCS - THPT Phạm Ngũ Lão           | 12                 | 320                |         |
| 26  | THCS - THPT Hồng Hà                | 18                 | 720                |         |
| 27  | TH - THCS - THPT Nguyễn Tri Phương | 4                  | 120                |         |
| 28  | PTDL Hermann Gmeiner               | 4                  | 180                |         |
| 29  | THPT Vĩnh Viễn                     | 10                 | 450                |         |
| 30  | THPT Thủ Khoa Huân                 | 4                  | 120                |         |
| 31  | THPT Hai Bà Trưng                  | 4                  | 120                |         |
| 32  | THCS - THPT Nguyễn Khuyến          | 46                 | 2.070              |         |
| 33  | THCS - THPT Thái Bình              | 4                  | 120                |         |
| 34  | THCS - THPT Việt Thanh             | 8                  | 250                |         |
| 35  | THCS - THPT Bác Ái                 | 3                  | 100                |         |
| 36  | TH - THCS - THPT Thanh Bình        | 15                 | 600                |         |
| 37  | TH - THCS - THPT Thái Bình Dương   | 1                  | 16                 |         |
| 38  | TH - THCS - THPT Quốc Văn Sài Gòn  | 3                  | 100                |         |

| STT | Tên đơn vị                       | Chỉ tiêu được giao |                    | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------------------|--------------------|---------|
|     |                                  | Số lớp 10          | Số học sinh lớp 10 |         |
| 39  | THPT Trần Quốc Toàn              | 4                  | 100                |         |
| 40  | THPT Trần Cao Vân                | 20                 | 700                |         |
| 41  | THPT Nhân Việt                   | 12                 | 420                |         |
| 42  | THPT Thành Nhân                  | 10                 | 350                |         |
| 43  | THPT Minh Đức                    | 6                  | 180                |         |
| 44  | THCS - THPT Tân Phú              | 10                 | 400                |         |
| 45  | THCS - THPT Khai Minh            | 3                  | 90                 |         |
| 46  | THCS - THPT Đình Tiên Hoàng      | 4                  | 120                |         |
| 47  | THCS - THPT Hồng Đức             | 19                 | 665                |         |
| 48  | THCS - THPT Trí Đức              | 20                 | 600                |         |
| 49  | THCS - THPT Nhân Văn             | 6                  | 240                |         |
| 50  | THCS - THPT Nam Việt             | 15                 | 600                |         |
| 51  | TH - THCS - THPT Hòa Bình        | 9                  | 300                |         |
| 52  | THPT Hưng Đạo                    | 4                  | 150                |         |
| 53  | THPT Đông Đô                     | 3                  | 100                |         |
| 54  | TH - THCS - THPT Mùa Xuân        | 2                  | 40                 |         |
| 55  | THCS - THPT Việt Anh             | 8                  | 240                |         |
| 56  | TH - THCS - THPT Việt Mỹ         | 3                  | 90                 |         |
| 57  | TH - THCS - THPT Quốc Tế         | 2                  | 40                 |         |
| 58  | Song ngữ Quốc tế Horizon         | 2                  | 40                 |         |
| 59  | THCS - THPT Đình Thiện Lý        | 4                  | 144                |         |
| 60  | THCS - THPT Đức Trí              | 8                  | 240                |         |
| 61  | THCS - THPT Sao Việt             | 8                  | 200                |         |
| 62  | TH - THCS - THPT Quốc tế Canada  | 4                  | 100                |         |
| 63  | THCS - THPT Hoa Sen              | 15                 | 450                |         |
| 64  | TH - THCS - THPT Ngô Thời Nhiệm  | 15                 | 500                |         |
| 65  | THPT Việt Âu                     | 10                 | 350                |         |
| 66  | THCS - THPT Hoa Lư               | 5                  | 200                |         |
| 67  | THCS - THPT Lạc Hồng             | 10                 | 300                |         |
| 68  | THCS - THPT Bạch Đằng            | 4                  | 120                |         |
| 69  | THCS - THPT Bắc Sơn              | 4                  | 72                 |         |
| 70  | TH - THCS - THPT Mỹ Việt         | 5                  | 225                |         |
| 71  | THCS - THPT Ngọc Viễn Đông       | 5                  | 150                |         |
| 72  | THPT Bách Việt                   | 5                  | 150                |         |
| 73  | THPT An Dương Vương              | 8                  | 300                |         |
| 74  | THPT Hàm Nghi                    | 8                  | 200                |         |
| 75  | THCS - THPT Phan Châu Trinh      | 15                 | 525                |         |
| 76  | THCS - THPT Ngôi Sao             | 4                  | 180                |         |
| 77  | TH - THCS - THPT Chu Văn An      | 6                  | 240                |         |
| 78  | TH - THCS - THPT Ngôi Sao Nhỏ    | 2                  | 40                 |         |
| 79  | THCS - THPT Bắc Mỹ               | 3                  | 50                 |         |
| 80  | TH - THCS - THPT Albert Einstein | 2                  | 50                 |         |